

ĐIỀU KHIỂN NGUYỄN HỮU DOÃN VỚI CÔNG CUỘC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT GIA ĐỊNH NỬA ĐẦU THẾ KỶ XVIII

Nguyễn Thanh Tuyền*

1. Lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII – XVIII là giai đoạn quốc gia Đại Việt bị chia cắt thành hai miền với hai thể chế chính quyền đối lập. Từ sự rạn nứt quan hệ giữa hai dòng họ Trịnh và họ Nguyễn trong quá trình tôn phù nhà Lê chống lại nhà Mạc ở thế kỷ XVI, Nguyễn Hoàng (đại diện của dòng họ Nguyễn) đã tìm cách vào trấn giữ đất Thuận Hoá (năm 1558), đến năm 1570 thì kiêm quản đất Quảng Nam (hai vùng Thuận Hoá, Quảng Nam tương đương khu vực từ Quảng Bình đến Bình Định ngày nay). Trên hai vùng đất ấy, Nguyễn Hoàng và các thế hệ nối nghiệp đã từng bước xây dựng một chính quyền riêng, biệt lập với chính quyền vua Lê – chúa Trịnh. Họ được gọi là chúa Nguyễn để đối chọi với chúa Trịnh ở miền Bắc. Chiến tranh giữa hai bên Trịnh, Nguyễn đã nổ ra. Đến năm 1672, khi không thể tiêu diệt được nhau, hai bên quyết định lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm giới tuyến chia đôi đất nước. Từ sông Gianh trở ra Bắc gọi là Đàng Ngoài hay Bắc Hà, thuộc về chúa Trịnh. Từ sông Gianh trở vào Nam gọi là Đàng Trong hay Nam Hà, thuộc về chúa Nguyễn. Tưởng chừng đất nước bị chia cắt sẽ khiến tiềm lực dân tộc đi xuống, nhưng như một nghịch lý: sự chia cắt này đã khiến quốc thổ được mở mang về phương Nam, kéo theo sự đổi thay nhiều mặt trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội so với truyền thống trước đó, nhất là trên những vùng đất mới.

Trong thế kỷ XVII, các chúa Nguyễn không chỉ dần tích hợp những vùng đất còn lại của vương quốc Champa vào bản đồ Đàng Trong (tương ứng với khu vực từ Phú Yên đến Bình Thuận ngày nay), mà ngay trong quá trình tích hợp lãnh thổ Champa, đã hướng tầm mắt đến vùng đất phía Nam xa xôi, nơi bị bỏ hoang cả về kinh tế lẫn chủ quyền trong nhiều thế kỷ dù trên danh nghĩa vẫn thuộc về vương quốc Chân Lạp (Campuchia). Những

** Thạc sĩ, Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh.
Email: tuyennguyenthanh27@gmail.com*

di dân người Việt đã tự phát đi vào Nam khai khẩn đất đai, lập thành làng xóm. Sau đó, từ năm 1623, chính quyền chúa Nguyễn bắt đầu thể hiện sự hiện diện trên vùng đất mới với quyết tâm mở mang lãnh thổ để thể hiện vị thế, tăng cường tiềm lực trước những đe dọa tiềm tàng từ Đàng Ngoài. Đến năm 1698, chúa Nguyễn cử Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lí phương Nam, chia đặt đơn vị hành chính và thiết lập chính quyền, tiến hành tổ chức dân cư và đẩy nhanh hơn quá trình khai phá. Đây là dấu mốc đánh dấu sự xác lập và khẳng định chủ quyền của Đàng Trong trên vùng đất Gia Định (Nam Bộ ngày nay), tạo tiền đề mở mang cương giới Đàng Trong đến hết Nam Bộ ngày nay trong thế kỉ XVIII.

2. Các chúa Nguyễn đã tiến hành tổng hợp nhiều biện pháp về kinh tế, chính trị, quân sự và ngoại giao để giữ vững chủ quyền và phát triển vùng đất Gia Định. Đất Gia Định nằm giáp với Chân Lạp là nước tuy không có tiềm lực mạnh và thường phải dựa vào chúa Nguyễn trong các cuộc tranh giành quyền lực nội bộ nhưng chưa phải là hết tham vọng duy trì ảnh hưởng tại đây. Thêm vào đó, chính quyền Xiêm La (Thái Lan) cũng vẫn nhòm ngó Gia Định, chờ dịp để tiến công lấn chiếm. Nhu cầu bảo vệ dân cư, giữ gìn trật tự, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Gia Định được đặt ra thường xuyên với chính quyền Đàng Trong. Đây là cơ sở để chúa Nguyễn thực thi thể chế chính quyền quân sự ở Gia Định. Người đứng đầu các dinh, trấn thường là võ quan, nắm quân đội, sẵn sàng hành quân trấn áp các cuộc nổi loạn trong cõi hoặc đánh dẹp quân nước ngoài xâm lấn. Lực lượng quân đội cũng được tăng cường. Năm 1776, theo ghi nhận của Lê Quý Đôn căn cứ từ lời khai của Cai Bạ Nguyễn Khoa Thuyên khi người này về hàng chúa Trịnh, thì ở Gia Định *“binh thuộc phủ ấy thổ binh kể có mấy vạn là bởi họ Nguyễn từ trước đến giờ dốc lòng mở mang miền Nam, chiếm lấy đất màu mỡ, mộ quân gọi dân, chia ruộng chứa thóc, để trấn áp các nước phiên Chiêm Thành, Cao Miên, chế ngự nước Xiêm La, cho nên đóng quân ở xứ ấy, xếp đặt rất kĩ...”*¹.

Để nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đội quân, tăng cường tính thống nhất, tập trung và cơ động của quân đội mỗi khi xuất trận, kể từ năm 1731, chúa Nguyễn đặt thêm chức vụ Điều Khiển, thường trực tại Gia Định. Giải thích cho sự thiết lập chức Điều Khiển, chính sử triều Nguyễn chép rằng: Năm 1731, *“mùa hạ, tháng 4, người Ai Lao là*

¹ Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch Viện Sử học, NXB. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 247.

Sá Tót đem quân Chân Lạp vào cướp Gia Định. Sai Thống Suất Trương Phúc Vĩnh điều khiển binh các đạo đi đánh. Bấy giờ các dinh ở Gia Định đều đặt thủ tướng. Chúa cho rằng việc quân ở nơi biên khốn cần phải có người thống nhiếp, cho nên sai Phúc Vĩnh làm việc điều khiển, quan binh các dinh trấn đều thuộc về cả. Lại đặt riêng một nha lý ở phía Nam dinh Phiên Trấn gọi là dinh Điều Khiển. Chức Điều Khiển đặt từ đấy”¹. Như vậy, Điều Khiển là chức thống lĩnh toàn quân trên đất Gia Định, thực tế là chức vụ cao nhất, “quan binh các dinh trấn đều thuộc về”, cai quản toàn vùng về mọi mặt. Trong nhận thức của chúa Nguyễn, các chức vụ thuộc dinh Điều Khiển sẽ là “cánh tay nối dài” của chính quyền trung ương, đảm bảo cho chiến lược mở đất và cai quản, bảo vệ vùng Gia Định diễn ra thuận lợi. Những người giữ chức Điều Khiển (về sau có thêm chức Tham Muu để phụ tá, như trường hợp Nghi Biểu Hầu Nguyễn Cư Trinh năm 1753) do vậy phải là người đáng tin cậy, có bản lĩnh và năng lực nhất định. Người đầu tiên giữ chức này là Trương Phúc Vĩnh, vốn là con nhà thế thân, nhiều đời phụng sự các chúa Nguyễn.

Trong các viên Điều Khiển sau Trương Phúc Vĩnh, Nguyễn Hữu Doãn là nhân vật có vai trò và đóng góp khá đặc biệt đối với sự ổn định và phát triển của vùng đất Gia Định.

3. Nguồn tư liệu chép về Nguyễn Hữu Doãn không nhiều và thông tin cung cấp cũng không phong phú. Trịnh Hoài Đức là người đầu tiên chép về nhân vật này trong sách ***Gia Định thành thông chí*** (soạn sau năm 1820), ở quyển 6 – *Thành trì chí*, phần viết về trấn Phiên An. Tuy nhiên, sách này lúc thì chép là Nguyễn Hữu Doãn, lúc thì chép là Nguyễn Phúc Doãn, có thể do đời sau tam sao thất bản nên ghi nhầm. Các sử liệu sau đó của nhà Nguyễn là ***Đại Nam thực lục tiền biên*** và ***Đại Nam liệt truyện tiền biên*** cũng chép về nhân vật này trong những sự kiện tương tự như Trịnh Hoài Đức đã đề cập, đồng thời, thống nhất tên gọi là Nguyễn Hữu Doãn. Tất cả ghi chép liên quan đến Nguyễn Hữu Doãn trong ba sử liệu trên đều xoay quanh thời gian ông làm Điều Khiển Gia Định, từ năm 1732 trở đi.

¹ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập 1*, Bản dịch Viện Sử học, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 141 – 142.

Cả ba sách trên đều không thể xác định Nguyễn Hữu Doãn là người địa phương nào, hành trạng cụ thể trước khi trở thành Điều Khiển ra sao. Các tác giả ***Đại Nam liệt truyện tiền biên*** sau khi khảo cứu cũng chỉ có thể chép rằng: “*Không rõ quê quán. Ban đầu Doãn làm Cai Cơ*”¹. Bấy giờ, trong binh chế của Đàng Trong, về đại thể quân đội chủ lực đóng tại các địa phương được chia thành các dinh, dưới dinh là cơ, dưới cơ là đội, dưới đội là thuyền. Đứng đầu dinh là Chưởng Dinh, đứng đầu cơ là Chưởng Cơ và Cai Cơ, đứng đầu đội là Cai Đội. Nguyễn Hữu Doãn là Cai Cơ, tức xuất thân là võ tướng thuộc hàng cao cấp trong quân đội chúa Nguyễn. Theo thông lệ đương thời, “*họ Nguyễn chuyên dùng người họ mình, huyện mình và xứ Thanh Hoa. Chưởng Dinh, Chưởng Cơ, Cai Cơ, Cai Đội, không phải hạng ấy thì không được sung tuyển*”². Từ chi tiết này mà đoán định thì Nguyễn Hữu Doãn nếu không phải dòng dõi tôn thất cũng là người quý hương (Thanh Hoá) hoặc quý huyện (Tống Sơn) của chúa Nguyễn, nghĩa là không phải viên Cai Cơ xuất thân bình thường mà tổ tiên đã từng ít nhiều liên hệ hay phụng sự chính quyền Đàng Trong.

Nguyễn Hữu Doãn được cử làm Điều Khiển từ tháng tư năm Nhâm Tý (1732), thay Trương Phúc Vĩnh bị giáng chức. Trong khi cầm quân chống lại Ai Lao và Chân Lạp, Trương Phúc Vĩnh từng nhận đứt lót của Nặc Tha (con vua Chân Lạp) khiến việc đánh dẹp bị kéo dài. Chúa Nguyễn gửi thư quở trách. Trương Phúc Vĩnh gửi mật biểu đồ tội cho Thống Binh Trần Đại Định. Khi dẹp xong quân giặc, Trần Đại Định biết chuyện nên quyết ra kinh đô Phú Xuân để biện bạch. Đến dinh Quảng Nam, Trần Đại Định viết biểu trần tình gửi lên. Chúa Nguyễn hạ lệnh tạm giam tại Quảng Nam để chờ tra xét. Trần Đại Định buồn bực nên ốm chết trong ngục. Về sau, việc được sáng tỏ, Đại Định được phục hồi danh dự. Còn Trương Phúc Vĩnh do tội vu cáo, bị giáng xuống làm Cai Đội. Chúa Nguyễn sau khi suy xét, bèn thăng Cai Cơ Nguyễn Hữu Doãn làm Điều Khiển Gia Định.

¹ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện, tập 1* (phần tiền biên), Đỗ Mộng Khương dịch, NXB. Thuận Hoá, Huế, 2006, tr. 148.

² *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr. 195.

Về sự kiện này, sách ***Gia Định thành thông chí*** chép một câu đáng lưu ý: “*Điều Cai Cơ Nguyễn Hữu Doãn vẫn hành Điều Khiển sự*”¹, nghĩa là “*Điều Cai Cơ Nguyễn Hữu Doãn qua/sang làm việc Điều Khiển*”. Điều từ đâu sang? Lúc ấy, toàn vùng Gia Định có hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn cùng một trấn Hà Tiên. Trấn Hà Tiên do họ Mạc cai quản, được hưởng quy chế tự trị. Trấn Biên và Phiên Trấn có bộ máy quan lại cho chúa Nguyễn trực tiếp chỉ định. Mỗi dinh có nhiều cơ quan trú đóng. Dựa vào câu ghi chép trên, có thể đặt giả thuyết, Nguyễn Hữu Doãn lúc ấy đang là Cai Cơ thuộc dinh Trấn Biên hoặc Phiên Trấn, khi Trương Phúc Vĩnh bị giáng cấp thì được cử lên thay, sang làm việc tại dinh Điều Khiển.

Nguyễn Hữu Doãn làm Điều Khiển Gia Định trong khoảng 20 năm. Tháng 11 năm Quý Dậu (1753), chúa Nguyễn quyết định đem quân đánh Chân Lạp. Lần này, người giữ chức Thống Suất quân đội (cũng là chức Điều Khiển) là Thiệt Chính (không rõ họ), xuất thân từ Cai Đồi. Nghĩa là từ năm này, Nguyễn Hữu Doãn đã thôi chức Điều Khiển, nếu không thì ông mới là người thống lĩnh quân đội đi chinh phạt. Sự hạn chế về sử liệu khiến chúng ta không thể biết ông thôi chức do được điều chuyển sang chức vụ khác hay đã qua đời. Từ năm 1732 đến trước năm 1753, Nguyễn Hữu Doãn là vị tướng – quan chức tối cao cai quản toàn vùng Gia Định, để lại những dấu ấn nhất định đối với vùng đất này.

4. Dựa theo nguồn tư liệu hiện còn, có thể khái quát những đóng góp của Nguyễn Hữu Doãn trong thời gian giữ chức Điều Khiển trên những nội dung sau.

Nguyễn Hữu Doãn là người dự phần vào quá trình từng bước hoàn thiện nền quản lí hành chính, nâng cao năng lực quản trị của chính quyền chúa Nguyễn trên vùng đất phương Nam.

Năm 1698, theo lệnh chúa Nguyễn, Thống Suất Nguyễn Hữu Cảnh tiến hành kinh lí đất Gia Định. Trên những lãnh thổ phương Nam đã tích hợp vào bản đồ Đàng Trong, Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định gồm hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức Lưu Thủ, Cai Bạ và Kí Lục để cai quản. Đến năm 1708, Mạc Cửu dâng đất

¹ Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch Viện Sử học, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 1998, phần nguyên bản chữ Hán, tr. 484.

Hà Tiên, xin theo về với chúa Nguyễn. Hà Tiên trở thành một trấn thuộc phủ Gia Định, được hưởng quy chế tự trị. Như vậy, đến năm 1708, đất Gia Định gồm 2 dinh và 1 trấn. Bộ máy chính quyền từ dinh, trấn đến các cấp bên dưới đã hình thành theo hướng phân cấp nhiệm vụ giữa các chức danh và có sự tương hợp nhất định, tuy rằng chưa đầy đủ, so với bộ máy chính quyền địa phương tại các dinh, phủ khác thuộc Đàng Trong. Kể từ năm 1731, toàn phủ Gia Định có chức quan cai quản chung – chức Điều Khiển như đã nói ở trên.

Trong giai đoạn 1698 – 1731, quá trình khai phá đất Gia Định diễn ra tại những phần đất đã thuộc chủ quyền chúa Nguyễn, chưa mở rộng đến những nơi còn lại nằm giữa hai dinh Trấn Biên, Phiên Trấn với trấn Hà Tiên (phần đất còn lại này đại để tương ứng với khu vực hữu ngạn sông Tiền trở xuống phía Nam Đồng bằng sông Cửu Long ngày nay). Tốc độ khai thác đất đai và mức độ tập trung dân số ở Gia Định được đẩy mạnh, đặt ra yêu cầu cần hoàn thiện hơn nền quản lý hành chính, trước hết là phân chia lại đơn vị hành chính trong điều kiện cương thổ mỗi dinh, trấn, huyện, xã còn quá rộng rãi, khiến hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương có nơi có lúc chưa cao, khó đáp ứng được thực tiễn. Đây là cơ sở để chúa Nguyễn quyết định điều chỉnh và giao cho dinh quan Điều Khiển thực hiện.

Năm 1732, một thời gian sau khi trở thành Điều Khiển, Nguyễn Hữu Doãn được triều đình chúa Nguyễn Phúc Chú (1725 – 1738) ủy thác nhiệm vụ điều chỉnh đơn vị hành chính ở Gia Định. Sách ***Đại Nam thực lục tiền biên*** cho hay, “*Chúa cho rằng địa thế Gia Định rộng rãi, sai khỏn thần chia đất đặt châu Định Viễn (nay là phủ Định Viễn) và dựng dinh Long Hồ (tức là tỉnh Vĩnh Long ngày nay)*”¹. Phần đất này nằm về phía Tây Nam dinh Phiên Trấn, đã được khai khẩn, có dân cư sinh sống dưới những đơn vị xã hội như trang, trại, man, nậu². Thiết lập châu Định Viễn và dựng dinh Long Hồ là dựa theo mệnh lệnh của chúa Nguyễn, nhưng với chức trách của người thi hành, lại gắn với thực địa, Nguyễn Hữu Doãn cùng những người dưới quyền tất nhiên phải xem xét địa thế, chú

¹ *Đại Nam thực lục, tập 1*, Sđđ, tr. 143. Khái niệm “nay” tức là dưới thời vua Thiệu Trị (1841 – 1847) nhà Nguyễn.

² Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tập 5* (phần tỉnh Vĩnh Long), Bản dịch Viện Sử học, NXB. Thuận Hoá, Huế, 2006, tr. 141.

ý đến môi trường kinh tế – xã hội và tình hình dân cư để có căn cứ “chia đất” phù hợp, thoả đáng. *Nguyễn Hữu Doãn đã biết cách cụ thể hoá quyết sách của chúa Nguyễn trước bối cảnh thực tế, chứng tỏ được vai trò của một võ tướng kiêm nhà quản lí nắm quyền trấn trị toàn cõi phương Nam.* Việc thiết lập đơn vị hành chính mới cũng đặt ra cho dinh Điều Khiển, trước hết là Nguyễn Hữu Doãn, những yêu cầu cao hơn khi phải vừa quán xuyến tình hình chung của toàn vùng, vừa điều phối theo thẩm quyền đối với công việc của mỗi dinh, trấn.

Sự thiết lập dinh Long Hồ cho thấy chủ quyền tuyệt đối của chúa Nguyễn trên những phần đất đã được di dân người Việt khai phá thuộc phủ Gia Định. Đây là một bước tiến trên con đường thiết lập nền quản lí hành chính hiệu quả, phù hợp hơn với đòi hỏi thực tế trên vùng đất phương Nam của chính quyền Đàng Trong.

Với sự kiện lập dinh Long Hồ năm 1732 của Nguyễn Hữu Doãn, cơ cấu đơn vị hành chính ở phủ Gia Định lúc này gồm 3 dinh (Trần Biên, Phiên Trấn, Long Hồ) và 1 trấn (Hà Tiên). Năm 1744, khi chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 – 1765) chia lại đất Đàng Trong thành 12 dinh và 1 trấn, phủ Gia Định bị bãi bỏ, toàn vùng được chia thành 3 dinh và 1 trấn, về cơ bản vẫn theo sự đặt định từ trước của Nguyễn Hữu Cảnh và Nguyễn Hữu Doãn.

Nguyễn Hữu Doãn có vai trò không thể phủ nhận trong công cuộc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Gia Định, đồng thời tiếp tục khẳng định vị thế của chúa Nguyễn trong quan hệ với lân bang Chân Lạp.

Lúc bấy giờ, trong quan hệ với Chân Lạp, chúa Nguyễn thường xuyên duy trì ảnh hưởng to lớn, ra sức ủng hộ và bảo vệ chính quyền Chân Lạp thân Nguyễn. Đầu thế kỉ XVIII, một vị vua Chân Lạp là Nặc Yêm, sau cuộc tranh chấp quyền lực quyết liệt với người cùng họ là Nặc Thâm, nhờ được chúa Nguyễn bảo hộ, đã trở thành quốc vương Chân Lạp. Nặc Thâm chạy sang nương nhờ Xiêm La, không thôi ý định giành lại ngôi vị, thậm chí năm 1715 còn dẫn quân Xiêm xâm lấn trấn Hà Tiên. Năm 1736, Nặc Yêm mất. Con trai là Nặc Tha được chúa Nguyễn đồng ý cho nối ngôi. Nặc Thâm biết tin, liền từ Xiêm trở về nhưng Nặc Tha không cho vào cõi, phải tạm đóng ở bên ngoài. Lúc ấy, cháu của Nặc Thâm là Nặc Sô vốn theo Nặc Tha, vẫn thường liên lạc với con trai Nặc Thâm.

Nặc Tha vì thế lo sợ, tìm cách trị tội Nặc Sô. Nặc Sô sợ hãi, đem quân chiếm đất làm phản. Nặc Tha sợ không chống nổi, chạy sang Gia Định xin nương nhờ. Nguyễn Hữu Doãn đã *“cho Nặc Tha ở chỗ đất thượng du sông Nghi Giang bỏ không ở phía Bắc Dinh Đồn. Nặc Tha đến đấy, dựng cầu gỗ bắc qua sông để thông hành đi lại, người bấy giờ gọi là cầu Cao Miên”*¹. Sau đó, Nặc Sô đón Nặc Thâm về làm vua Chân Lạp. Năm sau, Nặc Thâm sai sứ đến Phú Xuân dâng cống vật. Niệm tình cha của Nặc Thâm trước đây từng thần phục, chúa Nguyễn tha tội và công nhận Nặc Thâm làm vua, mục đích sâu xa hơn là tiếp tục duy trì ảnh hưởng, không để Xiêm La có cơ thiết lập vai trò ở Chân Lạp. Tuy nhiên, với trường hợp Nặc Tha, chúa Nguyễn vẫn cho ngụ tại Gia Định trong sự bảo vệ của Nguyễn Hữu Doãn, chờ cơ hội về sau. Trong trường hợp này, Nguyễn Hữu Doãn ở thế thừa hành mệnh lệnh là chủ yếu. Quyền lợi ở Chân Lạp của chính quyền Đàng Trong vẫn được đảm bảo nên chưa cần đến giải pháp quân sự.

Đến năm 1747, Nặc Thâm mất, các con tranh giành ngai vàng, đánh giết lẫn nhau. Một viên tướng Chân Lạp là Sô Liên Tóc liền đem quân đánh chiếm đất Mĩ Tho thuộc quản hạt của phủ Gia Định. Lãnh thổ đã bị xâm phạm, Nguyễn Hữu Doãn không thể ngồi yên. Tháng giêng năm Mậu Thìn (1748), Nguyễn Hữu Doãn đem quân tấn công Sô Liên Tóc, đánh bại thủy quân, đốt hết ghe thuyền của hắn tại sông Mĩ Tho, rồi thừa thắng thúc quân tiến sang Nam Vang (Phnôm Pênh) để ổn định tình hình Chân Lạp. Các con Nặc Thâm đều chạy trốn. Nguyễn Hữu Doãn sai người báo tiếp với chúa Nguyễn. *Chiến công đánh lui quân Chân Lạp xâm lấn đất đai, tàn hại nhân dân của Nguyễn Hữu Doãn đã một lần nữa bảo vệ vững chắc vùng đất phương Nam của tổ quốc trước các cuộc tấn công đến từ bên ngoài và cho thấy tài cầm quân của ông.*

Chúa Nguyễn sau đó giao cho Nguyễn Hữu Doãn đưa Nặc Tha về nước, trở thành quốc vương Chân Lạp. Nhưng đến tháng 6 cùng năm, con trai thứ hai của Nặc Thâm là Nặc Nguyên cầu viện quân Xiêm, kéo về đánh Nặc Tha. Một lần nữa, Nặc Tha chạy sang Gia Định, thời gian sau thì ốm chết. Nặc Nguyên bèn lên làm vua, xin thần phục chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn không mất vị thế ở Chân Lạp nên tất nhiên chấp thuận cho Nặc Nguyên làm vua.

¹ *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr. 185.

Trong các sự vụ liên quan đến Chân Lạp, Nguyễn Hữu Doãn vừa kiên quyết đánh đuổi những cuộc cướp phá đến từ bên kia biên giới, bảo vệ tuyệt đối chủ quyền của Đàng Trong, vừa cư xử có tình nghĩa với vua Chân Lạp khi lưu vong, qua đó duy trì áp lực chính trị cần thiết khiến chính quyền mới của Chân Lạp không dám khinh suất hành động gây bất lợi cho vị thế của triều đình Đàng Trong.

Nguyễn Hữu Doãn là người hoạch định và mở mang một bước hạ tầng giao thông, tạo thêm động lực thúc đẩy kinh tế – xã hội toàn vùng Gia Định phát triển.

Trong thế kỉ XVII, nhất là vào những thập niên cuối, ở Gia Định đã xuất hiện một số tuyến đường thông đi nhiều nơi, chủ yếu là đường thủy. Từ Sài Gòn, trung tâm của vùng Gia Định, có tuyến đường sông Sài Gòn, mạng lưới kênh rạch, sông nhỏ nối với các nơi trong địa phận và với vùng Đồng bằng sông Cửu Long ngày nay, đường thủy đi dinh Trấn Biên, đường ven biển thông ra Phú Xuân (đô thành của chúa Nguyễn) và đường bộ đi Chân Lạp. Trên toàn vùng, các tuyến đường giao thông chủ yếu tận dụng những con sông, kênh rạch có sẵn, kết nối với 4 hệ thống sông chính là sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu và những con đường bộ chỉ là đường mòn, chưa được gia cố, mở rộng. Nói chung, mạng lưới giao thông và hạ tầng giao thông còn đơn giản, chưa được hoạch định và kiến thiết một cách quy củ trên quy mô lớn. Hệ thống giao thông còn những thiếu khuyết như vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển của toàn vùng: chẳng những bất lợi cho chúa Nguyễn mỗi khi điều binh từ Phú Xuân vào Gia Định vì chỉ có thể hành quân theo đường ven biển, mà còn gây khó khăn cho dân chúng khi di chuyển, bán buôn, trao đổi giữa các địa phương.

Nguyễn Hữu Doãn đã nhận thấy những bất cập của hệ thống giao thông hiện có và tiến hành điều chỉnh trong khả năng cho phép. Năm 1748, Nguyễn Hữu Doãn cho xây đắp con đường thiên lí từ Sài Gòn thông ra Phú Xuân. Sách ***Gia Định thành thông chí*** cho biết: “Đường thiên lí phía bắc. Lúc mới mở mang, đường đi từ phía bắc cầu Sơn đến Bình Giang, ruộng chằm lầy bùn, đường bộ chưa mở, hành khách muốn đi Biên Hòa hoặc lên Bạng Bọt đều phải đi đò dọc. Đến năm Mậu Thìn, Thế Tông¹ thứ 11 (1748)

¹ Thế Tông tức chúa Nguyễn Phúc Khoát, người về sau được triều Nguyễn truy tôn là Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế.

nhân có việc ở Cao Miên, Điều Khiển Nguyễn Phúc Doãn mới chăng dây mà mở thẳng đường này, gặp ngòi suối thì bắc cầu, chỗ bùn lầy thì xép cây đắp đất. Từ cửa Cẩn Chỉ của thành¹ đến bến đò Bình Đồng dài 17 dặm. Bờ Bắc về đất Biên Hoà thì đặt trạm Bình Đồng, phía Bắc đi núi Chiêu Thái đến bến đò Bình Tiên, qua bên Sa Giang (Rạch Cát) do đường sứ Đồng Hạm xuống Đồng Môn đến Mỗi Xoài, gọi là Đường thiên lí. Khi đi qua sông lớn thì lệ đặt thuyền chở đò, miễn cho dao dịch”². Trịnh Hoài Đức viết như vậy, nhưng đến các sử thần triều Nguyễn, trên quan điểm đề cao năng lực trị lí của triều đình, đã quy công mở đường thiên lí cho chúa Nguyễn mà chép rằng: “Bắt đầu đặt đường trạm ở Gia Định. Đất Gia Định nhiều nơi lầy lội. Khi mới mở mang, đường bộ chưa thông, hành khách đi lại vất vả, việc báo cáo về biên cương cũng không tiện. Chúa sai Hữu Doãn ngắm đo địa thế, chăng dây lấy thẳng bắt đầu từ phía bắc Tắt Kiêu đến địa phận Hưng Phúc, tùy chỗ mà đặt trạm, gọi là đường thiên lí. Hễ gặp sông to thì cho dân sở tại đặt bến đò, cho miễn dao dịch”³. Từ hai sử liệu vừa dẫn, có thể thấy Nguyễn Hữu Doãn đã chỉ đạo trực tiếp công việc từ tầm vĩ mô hoạch định đến thi hành thực tế, biểu hiện một tầm nhìn chiến lược lớn rộng và năng lực cai trị hiệu quả. Ông là người thiết lập tuyến đường thiên lí đầu tiên trên đất Gia Định, tạo hành lang kết nối trực tiếp trên đất liền giữa Gia Định với các vùng khác theo hướng từ Nam ra Bắc để đến đô thành Phú Xuân.

Trên bản đồ ngày nay, đường thiên lí từ Gia Định ra Bắc khởi đầu từ cầu Thị Nghè qua Hàng Xanh, cầu Sơn, qua bến đò chỗ cầu Bình Triệu 1 (quận Bình Thạnh), đến ngã tư quốc lộ 13 và đường Kha Vạn Cân ở địa phận phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (trên nền cũ là đường thuộc địa số 1 thời Pháp), song song với đó là đường sắt xuyên Việt. Băng qua chợ Thủ Đức, lên ngã tư Linh Xuân (ranh giới giữa tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh), đường thiên lí lên tới chợ Đồn rồi qua sông Đồng Nai vào thành phố Biên Hoà, Đồng Nai. Từ Bình Trước (quảng trường Sông Phố), đường thiên lí qua ngã ba Vũng Tàu, đi theo hướng quốc lộ 51 ngày

¹ Tức thành Bát Quái được xây dựng vào năm 1790.

² Gia Định thành thông chí, Sđd, tr.188.

³ Đại Nam thực lục, tập 1, Sđd, tr. 155.

nay, xuôi Phước Lộc (huyện Long Thành, Đồng Nai), huyện Tân Thành, thị xã Bà Rịa (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), đến An Điền. Đường thiên lí đi tiếp xuống huyện Long Điền, huyện Đất Đỏ, thị trấn Phước Bửu (huyện Xuyên Mộc) của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu rồi sang địa phận của huyện Hàm Tân thuộc tỉnh Bình Thuận. Từ đây, đường thiên lí chạy dọc ven biển các tỉnh ra đến kinh đô Huế¹.

Đường thiên lí do Nguyễn Hữu Doãn tạo lập là một hệ thống gồm đường bộ, cầu, đò cùng các trạm kiểm soát, tạo thành một chỉnh thể hạ tầng giao thông từ Nam ra Bắc Đàng Trong. Tuyến đường này đã đem lại tác dụng to lớn trong quá trình hành binh, tăng cường hiệu lực quản lí, khắc phục những khó khăn về truyền tin, lưu thông hàng hóa, giải quyết bức xúc về giao thông cho nhân dân vùng Gia Định và đẩy mạnh hơn quá trình giao lưu, thông thương giữa Gia Định với vùng Thuận Hoá – Quảng Nam trên cả hai hướng thủy, bộ. Đó là đóng góp hết sức thiết thực và đem đến hiệu quả dài lâu của Nguyễn Hữu Doãn trong quá trình trị nhậm đất Gia Định.

Bên cạnh những dấu ấn nổi bật như trên, Nguyễn Hữu Doãn còn có đóng góp trên khía cạnh giữ gìn trật tự an toàn cõi Gia Định. Chẳng hạn, năm 1747, đảng giặc biển do một người tên Đức, biệt danh Đức bụng, cầm đầu, đã hoành hành ngoài biển Long Xuyên, đánh cướp cả thuyền long bài (thuyền được chúa Nguyễn cấp phép đi lại buôn bán, dâng nộp hàng hoá) của trấn Hà Tiên. Đô Đốc Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ (con trai Mạc Cửu) sai con rể đem binh thuyền đánh dẹp. Lực lượng của Đức bụng tan vỡ, tản mát khắp nơi, riêng hẩn lẩn trốn ở hải phận Ba Thắc. Mạc Thiên Tứ đem việc trình lên dinh quan Điều Khiển. Nguyễn Hữu Doãn liền điều quân tróc nã. Đến năm sau thì bắt được Đức bụng, xử tội lăng trì, bè đảng còn lại đều dẹp yên².

*

* *

Từ khi đặt chức vụ Điều Khiển (1731) rồi đổi thành Điều Khiển ngũ dinh (1753), chúa Nguyễn đã cử tất cả 6 người giữ chức này, lần lượt là Trương Phúc Vĩnh, Nguyễn

¹ Theo Nguyễn Thanh Lợi, “*Đường thiên lí dưới thời Nguyễn*”, in trong *Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam*, Thanh Hoá, 2008, tr. 322

² Theo *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr. 121 và *Đại Nam thực lục, tập 1*, Sđd, tr. 154.

Hữu Doãn, Thiện Chính (không rõ họ), Trương Phúc Du, Nguyễn Cửu Khôi và Nguyễn Cửu Đàm. Họ là những người đại diện cao nhất của triều đình Đàng Trong tại Gia Định, tuy nhiên vai trò và đóng góp của mỗi người đối với vùng đất này không giống nhau. Trương Phúc Vĩnh, Thiện Chính và Nguyễn Cửu Khôi trong thời gian đương chức vì phạm tội nên bị giáng, chưa thi thố được bao nhiêu. Trong ba nhân vật còn lại, Nguyễn Hữu Doãn là người giữ chức Điều Khiển lâu nhất (1732 – 1753, so với Trương Phúc Du: 1755 – 1765 và Nguyễn Cửu Đàm: 1771 – 1777), lại không phải dụng binh liên miên nên đủ thời gian và tâm sức để gây dựng nhiều điều hữu ích trên vùng đất Gia Định. Ông có nhiều đóng góp đối với vùng đất này trên các phương diện quân sự, hành chính, ngoại giao và kinh tế – xã hội.

Nguyễn Hữu Doãn không chỉ có công trong công cuộc khẳng định và bảo vệ chủ quyền đất Gia Định bằng việc chia đặt thêm đơn vị hành chính và đánh tan quân Chân Lạp xâm lấn bờ cõi, mà còn là người trực tiếp hoạch định rồi đôn đốc việc xây dựng tuyến đường thiên lý đầu tiên, nối Gia Định với Phú Xuân, góp phần đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội tại Gia Định. Ông vừa là một vị tướng giàu tài năng, vừa là một nhà quản lý hành chính, một nhà chính trị có tư duy và năng lực hơn người, một người lãnh đạo làm được nhiều điều ích nước lợi dân, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của chính quyền trung ương.

Lịch sử Việt Nam hai thế kỉ XVII – XVIII tuy nhiều biến động nhưng đã chứng kiến quá trình mở mang lãnh thổ kì vĩ về phương Nam của người Việt với tốc độ và quy mô chưa từng có. Sự nghiệp khai phá đất đai, xác lập và bảo vệ chủ quyền, tổ chức rồi điều hành và khuyến khích sự phát triển mọi mặt trên vùng đất Gia Định được các chúa Nguyễn xúc tiến liên tục và đạt nhiều thành tựu rực rỡ, khiến nơi đây trở thành một bộ phận không thể tách rời và phát triển năng động trong “cơ thể” Đại Việt. Cùng với chúa Nguyễn, nhiều văn thần, võ tướng được giao trọng trách trị nhậm vùng đất mới phương Nam đã hoàn thành xuất sắc vai trò và nhiệm vụ, được lịch sử ghi nhận và đánh giá cao. Điều Khiển Nguyễn Hữu Doãn là một người như vậy. Tuy hành trạng còn những điều chưa rõ do thiếu thốn sử liệu nhưng những điều ông làm được cho vùng đất và con người Gia Định thì vẫn khắc sâu trong sử sách, không thể phai mờ. Ông là một danh nhân của

lịch sử nước nhà, có sự nghiệp gắn bó chặt chẽ với quá trình mở cõi và định cõi phi thường của người Việt trên vùng đất Gia Định – Nam Bộ ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch Viện Sử học, NXB. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2007.
2. Nguyễn Thanh Lợi, “*Đường thiên lí dưới thời Nguyễn*”, in trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Kỉ yếu hội thảo chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam*, Thanh Hoá, 2008.
3. Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện, tập 1* (phần tiền biên), Đỗ Mộng Khương dịch, NXB. Thuận Hoá, Huế, 2006.
4. Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tập 5* (phần tỉnh Vĩnh Long), Bản dịch Viện Sử học, NXB. Thuận Hoá, Huế, 2006.
5. Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập 1*, Bản dịch Viện Sử học, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2007.
6. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch Viện Sử học, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 1998.
7. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch Viện sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.188.